

Phụ lục I
MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /8/ 2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
A	Đến năm 2030				
I	Phát triển hạ tầng				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	≥ 99	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp bưu chính, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Doanh nghiệp bưu chính, Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh
II	Phát triển nguồn lực				
3	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho KHCN, ĐMST và CDS	%	≥ 3	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
4	Phổ cập kỹ năng số cho người dân trong độ tuổi trưởng thành, học sinh, sinh viên; nâng cao năng lực số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cán bộ, công chức, viên	%	100	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
	chức, người lao động của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường				
5	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường
6	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	Người	≥ 12	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành của tỉnh, các địa phương và các Viện, Trường trên địa bàn tỉnh
III	Phát triển khoa học, công nghệ				
8	Số lượng công bố bài báo trong nước và quốc tế tăng bình quân 10%/năm	Số lượng	45	Sở Khoa học và Công nghệ	các Viện/Trường trên địa bàn
9	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ/năm	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Trình độ, năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	Trung bình - Trung bình tiên tiến		Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
11	Đóng góp của Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh đến năm 2030, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương	%	≥ 55	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Phòng thử nghiệm chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, được cấp mã hiệu VLAS theo quy định	ISO/IEC 17025:2017	01 - 03	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Viện, trường, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
13	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tỉnh sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống truy xuất nguồn gốc đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh
14	Doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế	Doanh nghiệp	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường; các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
15	Hỗ trợ áp dụng Truy xuất nguồn gốc các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh có nhu cầu và đủ điều kiện	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường
16	Vận hành, duy trì hiệu quả Nền tảng số về cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh phục vụ tổ chức, doanh nghiệp		Duy trì vận hành hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	
17	Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST và CDS vào tăng trưởng kinh tế địa phương (GRDP).	%	17,5	Thống kê tỉnh	Các sở, ngành, địa phương
18	Sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới được hình thành hoặc cải tiến từ nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS	Sản phẩm	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan chủ trì các nhiệm vụ
IV	Về đổi mới sáng tạo				
19	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
20	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%/năm	8-10	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện, trường, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
22	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Xếp hạng	nhóm 15 tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
23	Doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ được hỗ trợ về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước	Doanh nghiệp	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
24	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa	%	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện, trường
25	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước	Doanh nghiệp	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	các doanh nghiệp, KHCN trên địa bàn tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
V	Phát triển chuyển đổi số				
26	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	Điểm	$\geq 0,75$	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
27	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường
28	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
29	Tỷ lệ giao dịch hành chính đủ điều kiện thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
30	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
31	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
32	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 85	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường
33	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành
34	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	≥ 80	Các sở, ban ngành của tỉnh	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ
35	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp tỉnh	%	≥ 85	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành của tỉnh, các địa phương
36	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	≥ 60	Sở Tài chính	Các địa phương
37	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 95	Công an tỉnh	UBND các xã, phường
38	Các thủ tục hành chính đủ điều kiện của tỉnh được tích hợp, giải quyết qua ứng dụng VNeID	%	100	Công an tỉnh	UBND các xã, phường
39	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường
40	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	≥ 90	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
41	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu phát triển kinh tế số Thống kê tỉnh chủ trì đo lường, xác nhận tỷ trọng	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường
42	Duy trì Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công		Duy trì/nâng cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	
B	Đến năm 2045				
43	Quy mô kinh tế số	%GRDP	50	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND các xã, phường
44	Chỉ số đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện
45	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Doanh nghiệp /1000 dân	1	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường
46	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam tham gia hợp tác nghiên cứu, đặt trụ sở, đầu tư tỉnh	Tổ chức, doanh nghiệp	1	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN NĂM 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /8/ 2026 của UBND)

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
I	Phát triển nông nghiệp thông minh, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của các loại cây trồng chủ lực, đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản, gắn liền với bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk					
1.	Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), GIS và blockchain trong quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các giải pháp công nghệ số, AI, IoT, dữ liệu lớn, GIS và blockchain được triển khai trong quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.	2026	UBND tỉnh
2.	Phát triển nền tảng quản lý sản xuất nông nghiệp thông minh phục vụ người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nền tảng quản lý sản xuất nông nghiệp thông minh.	2026 - 2028	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
3.	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; số hóa dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở chăn nuôi, đất đai, thủy lợi, dịch bệnh, sản lượng, môi trường và thị trường tiêu thụ.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.	2026 - 2028	UBND tỉnh
4.	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính, quản lý phát thải và hướng tới phát triển nông nghiệp carbon thấp.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính, quản lý phát thải và hướng tới phát triển nông nghiệp carbon thấp.	2026 - 2028	UBND tỉnh
5.	Ứng dụng công nghệ nuôi tuần hoàn, biofloc, hệ thống quan trắc tự động, camera AI và tự động hóa trong nuôi trồng thủy sản.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Công nghệ nuôi tuần hoàn, biofloc; hệ thống quan trắc tự động; camera AI và tự động hóa trong nuôi trồng thủy sản.	2026 - 2028	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
6.	Ứng dụng công nghệ số trong quan trắc môi trường, giám sát chất lượng đất, nước, không khí và cảnh báo sớm nguy cơ ô nhiễm, dịch bệnh.	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống quan trắc môi trường ứng dụng công nghệ số, giám sát chất lượng đất, nước, không khí và cảnh báo sớm nguy cơ ô nhiễm, dịch bệnh.	2026 - 2028	UBND tỉnh
II	Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển du lịch thông minh, xây dựng du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh					
7.	Bộ công cụ xúc tiến, quảng bá, quản trị và đánh giá hiệu quả du lịch số tỉnh Đắk Lắk.	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống quảng bá du lịch ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR 360; các trợ lý ảo AI phục vụ giới thiệu điểm đến, hướng dẫn trải nghiệm, tư vấn – bán hàng và hỗ trợ quảng bá du lịch được xây dựng và đưa vào vận hành; Trang thông tin chiến dịch và kích cầu du lịch trên nền tảng số	2026	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
8.	Xây dựng nền tảng du lịch thông minh.	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hình thành nền tảng du lịch thông minh	2027 - 2028	UBND tỉnh
9.	Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Danh mục cơ sở dữ liệu du lịch	2027 - 2028	UBND tỉnh
10.	Điều tra, số hóa tài nguyên du lịch và xây dựng bản đồ số tài nguyên du lịch tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Bản đồ số tài nguyên du lịch tỉnh Đắk Lắk	2027 - 2028	UBND tỉnh
11.	Phối hợp kết nối các sản phẩm, tuyến, điểm du lịch biển – rừng.	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Danh mục sản phẩm, tuyến, điểm du lịch biển – rừng	2027 - 2028	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
III	Chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục					
12.	Triển khai giải pháp phòng học ngoại ngữ, phòng học STEM/STEAM đồng bộ với thiết bị tối thiểu	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phòng học ngoại ngữ, STEM/STEAM được đầu tư đồng bộ, đáp ứng CTGDPT 2018	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
13.	Triển khai giải pháp phòng Tin học và Giáo dục số cho các cơ sở giáo dục tiểu học	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phòng Tin học đạt chuẩn, phục vụ dạy học Tin học và giáo dục số	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
14.	Xây dựng góc trải nghiệm số cho trẻ em tại các trường mầm non	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Góc trải nghiệm số được triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
15.	Đầu tư hạ tầng số ngành giáo dục, phòng máy tính dạy học đáp ứng CTGDPT 2018	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống phòng máy tính được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu tổ chức thi tốt nghiệp THPT trên máy tính.	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
16.	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình và điều hành thông minh ngành GDĐT	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống hội nghị trực tuyến, điều hành tập trung toàn ngành	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
17.	Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng LAN bảo đảm an toàn thông tin	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hạ tầng mạng LAN được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh
18.	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số ngành giáo dục	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đội ngũ CBCCVC được bồi dưỡng kỹ năng số, AI và chuyển đổi số	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
19.	Xây dựng nền tảng điều hành giáo dục thông minh và trợ lý AI ngành GDĐT Đăk Lăk	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nền tảng điều hành tập trung, trợ lý AI hỗ trợ quản trị và xử lý công việc	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo
20.	Xây dựng, triển khai hồ sơ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và GDTX	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống hồ sơ số phục vụ quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu giáo dục	2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
21.	Triển khai phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, thống kê phổ cập giáo dục và xóa mù chữ	2026 - 2027	Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nâng cao chất lượng công tác quản lý ngành y tế, công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân					
22.	Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh	Giám đốc Sở Y tế	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/ các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Hồ sơ bệnh án điện tử được liên thông lên VNeID	2026 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế
23.	Thiết lập kho dữ liệu dùng chung ngành y tế, thực hiện "sạch hóa" và liên thông dữ liệu giữa các cơ sở y tế công lập và tư nhân, liên thông kho dữ liệu y tế quốc gia.	Giám đốc Sở Y tế	Văn phòng Sở/Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Kho dữ liệu ngành y tế, liên thông dữ liệu giữa các cơ sở y tế công lập và tư nhân, liên thông kho dữ liệu y tế quốc gia	2027 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
24.	Nâng cấp hạ tầng CNTT tại các trạm y tế xã để triển khai Telehealth, xóa bỏ rào cản địa lý trong tiếp cận y tế chất lượng cao.	Chủ tịch UBND xã/phường	- Trạm Y tế, TTYT, bệnh viện tuyến tỉnh, đơn vị viễn thông, công nghệ số - Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xã, phường danh mục thiết bị, định mức kinh phí và nguồn vốn hỗ trợ	Hệ thống hội chẩn, tư vấn khám chữa bệnh từ xa (Telehealth)	2027 - 2030	UBND tỉnh; UBND phường, xã
25.	Ứng dụng AI vào hỗ trợ ra quyết định lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh	Giám đốc Sở Y tế	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	AI hỗ trợ bác sĩ trong đọc phim, gợi ý bất thường và hỗ trợ ra quyết định	2027 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
26.	Xây dựng hệ thống giám sát dịch bệnh thông minh, dự báo sớm các nguy cơ bùng phát dịch dựa trên dữ liệu lớn (Big Data).	Giám đốc Sở Y tế	Trung tâm KSBT/ Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Hệ thống giám sát dịch bệnh thông minh, dự báo sớm các nguy cơ bùng phát dịch dựa trên dữ liệu lớn	2027 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế
27.	Quản lý các bệnh không lây nhiễm (tim mạch, tiểu đường...) thông qua các ứng dụng công nghệ thông minh (thiết bị di động...).	Giám đốc Sở Y tế	Trung tâm KSBT/ Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Hệ thống quản lý bệnh không lây nhiễm tích hợp ứng dụng di động và thiết bị theo dõi từ xa, phục vụ quản lý liên tục, nâng cao tuân thủ điều trị và phát hiện sớm biến động chỉ số sức khỏe	2027 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế
28.	Số hóa chuỗi cung ứng thuốc, từ quản lý tồn kho đến kê đơn điện tử	Giám đốc Sở Y tế	Cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Hệ thống theo dõi tồn kho thuốc, cảnh báo thiếu thuốc, thuốc quá hạn và liên thông dữ liệu đơn thuốc.	2027 - 2030	UBND tỉnh; Sở Y tế

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
V	Phát triển kinh tế số tỉnh Đắk Lắk					
29.	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch phát triển kinh tế số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030	2027 - 2030	UBND tỉnh
30.	Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế số	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ quản lý, khai thác và phân tích các hoạt động kinh tế số trên địa bàn tỉnh	2027 - 2030	UBND tỉnh
31.	Bản đồ kinh tế số và định danh và đo lường giá trị kinh tế địa điểm kinh tế theo không gian và thời gian	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nền tảng bản đồ số tích hợp GIS phục vụ quản lý, giám sát và phân tích hoạt động kinh tế trên địa bàn tỉnh theo không gian và thời gian.	2027 - 2030	UBND tỉnh
32.	Dashboard điều hành kinh tế số tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống dashboard tập trung phục vụ theo dõi, giám sát và điều hành phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.	2027 - 2030	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
33.	AI phân tích thị trường; sandbox dữ liệu; sản dữ liệu; tích hợp chỉ tiêu kinh tế số với điều hành tăng trưởng; đánh giá tác động chính sách.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ sinh thái kinh tế số; dashboard chỉ đạo điều hành; báo cáo tỷ trọng kinh tế số; nền tảng đổi mới sáng tạo.	2027 - 2030	UBND tỉnh
34.	Hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc và quản lý chuỗi giá trị nông sản số	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hệ thống phần mềm quản lý và truy xuất nguồn gốc thống nhất trên toàn tỉnh.	2027 - 2030	UBND tỉnh
35.	Xây dựng Cổng thông tin sản phẩm và xúc tiến thương mại số tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Cổng thông tin điện tử tập trung phục vụ quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ sản phẩm của tỉnh.	2027 - 2030	UBND tỉnh
VI	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong đảm bảo an toàn, an ninh mạng, an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk					
36.	Phát triển hạ tầng camera thông minh (camera AI, camera xã hội hóa, AI Box/Edge Gateway,	Giám đốc Công an tỉnh	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn	- Hệ thống camera thông minh cấp tỉnh; dữ liệu hình ảnh được chuẩn hóa, kết nối liên thông bảo đảm các	2026 - 2027	UBND tỉnh; Công an tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
	chuẩn hóa kết nối)		thông, công nghệ số	yêu cầu về an ninh mạng ngay từ quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, trật tự (căn cứ Điều 9, điểm g khoản 2 Điều 7 và Điều 37 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15). - Khung tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối dùng chung; mạng lưới thiết bị biên thông minh (AI Box/Edge Gateway); hệ thống camera thông minh, camera xã hội hóa được chuẩn hóa, kết nối liên thông và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15).		

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
37.	Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu và lưu trữ (VMS dùng chung, máy chủ, lưu trữ phân tán, bảo mật)	Giám đốc Công an tỉnh	Doanh nghiệp công nghệ số	- Trung tâm camera giám sát cấp tỉnh; nền tảng quản lý tập trung; lưu trữ tối thiểu 90 ngày. - Hạ tầng Trung tâm dữ liệu đạt cấp độ an toàn thông tin 3, kết nối liên thông với hệ thống giám sát của Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 9 và Điều 24 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15).	2026 - 2027	UBND tỉnh; Công an tỉnh
38.	Xây dựng hệ thống chỉ huy tác chiến số (dashboard, bản đồ số tác chiến, báo động khẩn cấp)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh	Nền tảng chỉ huy, cảnh báo, truy vết, điều phối lực lượng theo thời gian thực	2027	Công an tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
39.	Phát triển dữ liệu và ứng dụng AI (chuẩn hóa dữ liệu, kho dữ liệu, AI nhận diện, phân tích, dự báo)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp công nghệ số	Kho dữ liệu phục vụ an ninh, trật tự; công cụ phân tích dữ liệu lớn, dự báo điểm nóng tội phạm	2027 - 2030	Công an tỉnh
40.	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC, SIEM, ứng cứu sự cố, giám sát hạ tầng trọng yếu)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh; nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo sớm, phản ứng sự cố	2026 - 2030	UBND tỉnh; Công an tỉnh
41.	Phát triển công cụ phát hiện lừa đảo trực tuyến, deepfake, giao dịch bất thường	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; Cục A05 Bộ Công an	Công cụ phát hiện lừa đảo trực tuyến, deepfake, giao dịch bất thường	2026 - 2030	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; Cục A05 - Bộ Công an; Ngân hàng nhà nước Khu vực 11 và các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
42.	Trang bị thiết bị tác chiến chuyên dụng (drone, gây nhiễu IED, EOD, bảo vệ EMP)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh	Drone giám sát; thiết bị gây nhiễu IED; thiết bị EOD; thiết bị bảo vệ EMP	2026 - 2030	Cấp có thẩm quyền theo quy định
43.	Xây dựng hệ thống liên lạc chuyên dụng (liên lạc mã hóa, chỉ huy di động, kênh dự phòng)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; H04 Bộ Công an	Hệ thống liên lạc mã hóa, chỉ huy di động, kênh dự phòng	2026 - 2030	Công an tỉnh
44.	Ứng phó thiên tai, sự cố (tích hợp cảm biến, camera, drone, GIS; cảnh báo lũ quét, sạt lở, ngập úng)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Công cụ cảnh báo sớm; bản đồ rủi ro; hỗ trợ điều phối lực lượng	2028 - 2030	Công an tỉnh
45.	Đào tạo, chuyển giao công nghệ và tổ chức vận hành (quy chế, quy trình, tập huấn, diễn tập)	Giám đốc Công an tỉnh	Các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh; cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu	Đội ngũ vận hành được đào tạo; quy trình vận hành, bảo trì, giám sát hiệu quả	2026 - 2030 (thường xuyên)	Công an tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
VII	Hoàn thiện hạ tầng số và dữ liệu số, phục vụ phát triển tỉnh Đắc Lắc nhanh, bền vững					
46.	Hoàn thiện hạ tầng số và dữ liệu số, phục vụ phát triển tỉnh Đắc Lắc nhanh, bền vững	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông, Sở Xây dựng, UBND cấp xã	Hệ thống IoT nông nghiệp/giao thông; Ứng dụng AI trong Y tế, Giáo dục; Dịch vụ Blockchain trong quản lý dữ liệu mở	2026 - 2030	UBND tỉnh, Sở KH&CN
47.	Xây dựng hạ tầng băng rộng toàn diện (Cáp quang, 5G, IPv6, Mạng WAN)	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; doanh nghiệp; UBND cấp xã	Trạm phát sóng 5G; Đường trục cáp quang nội tỉnh; Chuyển đổi IPv6; Hệ thống SD-WAN kết nối liên thông	2027 - 2030	UBND tỉnh
48.	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu ứng dụng công nghệ điện toán đám mây	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở quản lý CSDL chuyên ngành	TTDL đạt chuẩn Tier III (AI Data Center); Hạ tầng Public/Private Cloud; Hệ thống dự phòng DR và backup tự động	2026 - 2030	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
49.	Xây dựng Cổng dữ liệu mở, tích hợp LGSP và đảm bảo An toàn thông tin mạng	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính, Trường ĐH/Viện nghiên cứu	Khung pháp lý chia sẻ dữ liệu; Cổng dữ liệu mở tỉnh; Liên thông CSDL quốc gia; Hệ thống tường lửa NGFW, SOC cho TTDL	2026 - 2028	UBND tỉnh, HĐND tỉnh
50.	Hoàn thiện thể chế, đào tạo nhân lực và hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông/công nghệ	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Cơ chế miễn/giảm phí cho DN viễn thông; Quỹ ĐMST; Chương trình đào tạo chuyên sâu CNTT; Chính sách thu hút nhân tài	2026 - 2030	UBND tỉnh, Sở KH&CN
VIII	Cải cách, hiện đại hóa thủ tục hành chính					
51.	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình; bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được tiếp nhận, giải quyết trực	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	100% TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình; $\geq 85\%$ hồ sơ được xử lý trực tuyến; 100% giao dịch phi tiếp xúc; 100% TTHC đủ	2026 - 2028	UBND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
	tuyển, không phụ thuộc địa giới hành chính; thực hiện 100% giao dịch hành chính "phi tiếp xúc"			điều kiện tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính		
52.	Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin lên nền tảng điện toán đám mây; liên thông cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước với Trung ương và tích hợp trực liên thông LGSP	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành của tỉnh	100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa; $\geq 70\%$ hệ thống thông tin vận hành trên nền tảng điện toán đám mây; $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông với Trung ương; $\geq 85\%$ dữ liệu các sở, ban, ngành tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	2026 - 2030	UBND tỉnh; Sở KH&CN
53.	Phổ cập định danh điện tử (VNeID) và chữ ký số cho người dân; tích hợp 100% thủ tục hành chính	Giám đốc Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	$\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) và ứng dụng trên thiết bị di động; $\geq 10\%$	2026 - 2028	UBND tỉnh; Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
	đủ điều kiện lên ứng dụng dịch vụ công; triển khai phần mềm quản trị điều hành thống nhất cho chính quyền cấp xã, phường			người dân có chữ ký số; 100% TTHC đủ điều kiện được tích hợp, giải quyết qua ứng dụng dịch vụ công; $\geq 90\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất		
54.	Thí điểm dịch vụ công trực tuyến chủ động	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	TTHC có dữ liệu sẵn, phát sinh theo sự kiện đời sống như khai sinh, khai tử, cấp bản sao trích lục hộ tịch, an sinh xã hội, giáo dục, y tế được tự động thông báo/nhắc hạn cho người dân.	2026 - 2030	

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
55.	Hiện đại hóa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	UBND các xã, phường	Hệ thống giám sát hồ sơ theo thời gian thực; quầy hỗ trợ DVC trực tuyến; trợ lý ảo/hướng dẫn số; công khai tiến độ xử lý hồ sơ; đánh giá hài lòng; chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, số hóa, luân chuyển, trả kết quả.	2026 - 2028	UBND tỉnh
IX	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cấp vùng					
56.	Dự án sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang bị thiết bị kỹ thuật Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Không gian làm việc chung và thiết bị kỹ thuật phục vụ mục tiêu đổi mới sáng tạo của Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh	2026	Sở KH&CN
57.	Đề án phát triển Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, nâng tầm trở thành Trung tâm nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cấp vùng	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Đề án được phê duyệt	Tháng 12/2026	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
X	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp					
58.	Kế hoạch phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
59.	Kế hoạch triển khai Chiến lược khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
60.	Kế hoạch nâng cấp dây chuyền công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
61.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
62.	Kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
63.	Kế hoạch triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
64.	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
65.	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cá nhân chủ trì	Cơ quan thực hiện; phối hợp thực hiện	Mô tả kết quả, sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền triển khai/ ban hành
66.	Kế hoạch đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
67.	Kế hoạch thực hiện Đề án Truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh
68.	Kế hoạch triển khai tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch được ban hành	2026	UBND tỉnh